1. Quan điểm về CNDV và CNDT trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học? Đâu là quan điểm có căn cứ khoa học.

* Chủ nghĩa duy vật ( Khả tri luận)
* Thừa nhận vật chất quyết định ý thức.
* Con người có khả năng nhận thức và cải biến thế giới.
* Trong lịch sử triết học chủ nghĩa duy vật đã trải qua nhiều hình thức khác nhau: chủ nghĩa duy vật cổ đại, chủ nghĩa duy vật siêu hình, chủ nghĩa duy vật biện chứng.
* Chủ nghĩa duy tâm( Bất khả tri luận)
* Thừa nhận ý thức sản sinh ra thế giới.
* Về khả năng nhận thức thế giới của con người phần lớn các triết gia duy tâm cho rằng con người có khả năng nhận thức thế giới. Một số khác phủ nhận khả năng nhận thức thế giới của con người.
* Chủ nghĩa duy tâm tồn tại với nhiều hình thức khác nhau nhưng chung quy có hai hình thức căn bản đó là chủ nghĩa duy tâm khách quan và chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
* Quan điểm có căn cứ khoa học là CNDV vì chủ nghĩa duy vật có nguồn gốc từ thực tiễn và sự phát triển của khoa học.

1. Nguồn gốc tự nhiên của việc hình thành ý thức? Tại sao nói phản ánh bằng ý thức là phản ảnh năng động sáng tạo?

* Nguồn gốc tự nhiên: Có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc tự nhiên của ý thức, trong đó, hai yếu tố cơ bản nhất là “ bộ óc người” và “ mối quan hệ con người với thế giới quan tạo ra quá trình phản ánh năng động sáng tạo”.
* Bộ óc người: “ ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người”.
* Mối quan hệ con người với thế giới quan: “ quan hệ tất yếu ngay từ khi con người xuất hiện. Thế giới quan được phải ánh thông qua hoạt động của các giác quan đã tác động đên bộ óc người, hình thành ý thức”.
* Phản ánh bằng ý thức là phản ảnh năng động sáng tạo vì nó là hình thức phản ánh cao nhất trong các hình thức phản ánh, nó chỉ được thực hiện ớ dạng vật chất phát triển cao nhất, có tổ chức cao nhất là bộ óc người. Phản ánh năng động, sáng tạo được thực hiện qua quá trình hoạt động sinh lý thần kinh của bộ não người khi thế giới khách quan tác động lên các giác quan của người. Đây là sự phản ánh có tính chủ động lựa chon, xử lý thông tin để tạo ra những thông tin mới, phát hiện ý nghĩa của thông tin.

1. Nguồn gốc xã hội của ý thức? Tại sao nói ngôn ngữ giống ý niệm thứ 2 của con người? ( vai trò của ngôn ngữ)

* Nguồn gốc xã hội của ý thức: có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc xã hội của ý thức; trong đó, cơ bản nhất và trực tiếp nhất là “ lao động” và “ ngôn ngữ”.
* Lao động: con người tác động vào thế giới khách quan, làm cho thế giới khách quan bộc lộ ra những thuộc tính, kết cấu, quy luật vận động từ đó hệ thống tri thức làm giác quan, đặc biệt là bộ óc con người phát triển.
* Ngôn ngữ: hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ, ý thức khôn thể tồn tại và thể hiện.
* Vai trò: nhờ ngôn ngữ, con người đã không chỉ giao tiếp, trao đổi mà còn khái quát, tổng kết, đúc kết thực tiễn, truyền đạt kinh nghiệm và tư tưởng qua nhiều thế hệ.

1. Trình bày các yếu tố cấu thành ý thức? Giữa các yếu tố có mối liên hệ biện chứng nào?

* Kết cấu của ý thức: ý thức có cấu tạo rất phức tạp, bao gồm nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau; trong đó cơ bản nhất là “ tri thức, tình cảm và ý chí”.
* Tri thức là toàn bộ những hiểu biết của con người, là kết quả của quá trình nhận thức. Tri thức là điều kiện để ý thức phát triển.
* Tình cảm là những rung động biểu hiện thái độ của con người trong các quan hệ. Tình càm biểu hiện và phát triển trong mọi lĩnh vực đời sống con người; là một yếu tố phát huy sức mạnh, một động lực thúc đẩy hoạt động nhận thức và thực tiễn.
* Ý chí là sự biểu hiện sức mạnh của bản thân mỗi con người nhằm vượt qua những cản trở trong quá trình thực hiện mục đích. Ý chí được coi là mặt năng động của ý thức
* Tất cả các yếu tố tạo thành ý thức có mối liên hệ biện chứng với nhau, song tri thức là yếu tố quan trọng nhất; là phương thức tồn tại của ý thức, đồng thời là nhân tố định hướng đối với sự phát triển và quyết định mức độ biểu hiện của các yếu tố khác.

1. Mối quan hệ vật chất và ý thức? Đảng ta vận dụng mối quan hệ như thế nào trong công cuộc đổi mới?

* Mqh: là mối quan hệ biện chứng. Trong mối quan hệ này, vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức, song ý thức không hoàn toàn thụ động mà nó có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.
* Ý thức tác động lại vật chất:
* Thúc đẩy, phản ánh đúng, tích cực sáng tạo, định hướng, đề ra mục tiêu, dự báo, chỉ đạo thực tiễn.
* Kìm hãm phản ánh sai lệch .
* Tác động thông qua hoạt động thực tiễn.
* T/c hoạt động phụ thuộc mạnh mẽ vào trình độ nhận thức.
* Vận dụng của Đảng: Các nước đều có cơ hội phát triển. Tuy nhiên,do ưu thế công nghệ và thị trường thuộc về các nước phát triển khiến cho các nuớc chậm phát triển đứng trước một thách thức to lớn. Nguy cơ tụt hậu ngày càng cao ,mà điểm xuất phát của nước ta quá thấp, lại phải đi lên từ môi trường cạnh tranh quyết liệt . Trước tình hình đó ,cũng với xu thế phát triển của thời đại ,Đảng và nhà nước cần tiếp tục tiến hành đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước,trong đó đổi mới kinh tế đóng vai trò then chốt ,giữ vai trò chủ đạo .Đồng thời đổi mới kinh tế là một vấn đề cấp bách ,bởi giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị có mối quan hệ giữa vật chất và ý thức sẽ cho phép chúng ta vận dụng vào mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị ,giúp cho công cuộc đổi mới của đất nước ngày càng giàu mạnh.

1. Nội dung, t/c các mối liên hệ.

* Trong phép biện chứng, khái niệm mối liên hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới.
* Tính chất: có 3 tính chất cơ bản của các mối liên hệ.
* Tính khách quan: các sự vật hiện tượng tồn tại độc lập không phụ thuộc vào ý chí con người. ( lực hút trái đất )
* Tính phổ biến: không có bất cứ sự vật hiện tượng hay quá trình nào tồn tại tuyệt đối biệt lập với các sự vật, hiện tượng hay quá trình khác. Tất cả đều có mối liên hệ. (mỗi cơ thể sống là một hệ thống cấu trúc tạo nên khả năng tự trao đổi chất với môi trường, nhờ đó mà nó tồn tại, phát triển; đồng thời bản thân môi trường sống cũng là một hệ thống được tạo thành từ nhiều yếu tố lớp, phân hệ trực tiếp và gián tiếp…)
* Tính đa dạng, phong phú: các sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có những mối liên hệ cụ thể khác nhau, giữ vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó đồng thời, mỗi mối liên hệ đó lại có những biểu hiện phong phú khác nhau trong những điều kiện cụ thể khác nhau... ( Cây xanh sử dụng ánh sáng mặt trời để tiến hành quang hợp tạo ra chất dinh dưỡng cơ bản./ Dòng điện truyền qua dây dẫn làm bóng đèn sáng).

1. Nội dung, t/c của sự phát triển.

* Trong phép biện chứng, khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.
* Tính chất: Mọi quá trình phát triển đều có ba tính chất chung là
* Tính khách quan: biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Phát triển thuộc tính tất yếu, khách quan, không phụ thuộc vào ý thức của con người.
* Tính phổ biến: được thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra trong mọi lĩnh vực; trong tất cả mọi sự vật hiện tượng và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó.
* Tính đa dạng phong phú: được thể hiện ở chỗ phát triển là khuynh hướng chung của mọi sự vật, hiện tượng nhưng quá trình phát triển không hoàn toàn giống nhau.
* tính kế thừa: phát triển theo cơ sở kế thừa của cái cũ, đồng thời loại bỏ những cái xấu, tiêu cực, lạc hậu của cái cũ

1. Mối quan hệ nội dung và hình thức? Vận dụng xem xét vấn đề thương hiệu hàng hoá, dịch vụ hiện nay ở VN?

* Nội dung và hình thức gắn bó chặt chẽ, thống nhất biện chứng với nhau. Vì vậy, không có một hình thức nào không chứa nội dung, đồng thời không có nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức nhất định.
* Mqh: là mối quan hệ biện chứng, trong đó nội dung quyết định hình thức và hình thức tác động trở lại nội dung.
* Vận dụng:

1. Tính chất chung của mâu thuẫn? Có những mâu thuẫn cơ bản nào?

* Tính chất chung: mâu thuẫn có tính khách quan, tính phổ biến, tính phong phú và đa dạng.
* Những mâu thuẫn cơ bản:
* *Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài (căn cứ vào quan hệ đối với sự vật được xem xét)*  
  Khái niệm:  
  + Mâu thuẫn bên trong là sự tác động qua lại giữa các mặt, các khuynh hướng đối lập của cùng một sự vật.  
  + Mâu thuẫn bên ngoài đối với một sự vật nhất định là mâu thuẫn diễn ra trong mối quan hệ giữa sự vật đó với các sự vật khác.  
  Phân tích:  
  + Việc phân chia mâu thuẫn thành mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài chỉ là tương đối, tùy theo phạm vi xem xét. Cùng một mâu thuẫn nhưng xét trong mối quan hệ này là mâu thuẫn bên ngoài, nhưng xét trong mối quan hệ khác lại là mâu thuẫn bên trong.
* Ví dụ: Trong phạm vi nước ta, mâu thuẫn trong nội bộ nền kinh tế quốc dân là mâu thuẫn bên trong; còn mâu thuẫn về kinh tế giữa nước ta với các nước khác trong ASEAN là mâu thuẫn bên ngoài. Nếu trong phạm vi ASEAN thì mâu thuẫn giữa các nước trong khối lại là mâu thuẫn bên trong. Vì vậy, để xác định một mâu thuẫn nào đó là mâu thuẫn bên trong hay mâu thuẫn bên ngoài trước hết phải xác định phạm vi sự vật được xem xét.  
  + Mâu thuẫn bên trong có vai trò quyết định trực tiếp đối với quá trình vận động và phát triển của sự vật. Tuy nhiên, mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài không ngừng tác động qua lại lẫn nhau. Việc giải quyết mâu thuẫn bên trong không thể tách rời việc giải quyết mâu thuẫn bên ngoài; việc giải quyết mâu thuẫn bên ngoài là điều kiện để giải quyết mâu thuẫn bên trong. Thực tiễn cách mạng nước ta cũng cho thấy: việc giải quyết những mâu thuẫn trong nước ta không tách rời việc giải quyết những mâu thuẫn giữa nước ta với các nước khác.
* *Mâu thuẫn cơ bản mâu thuẫn không cơ bản (căn cứ vào ý nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật)*  
  Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, quy định sự phát triển ở tất cả các giai đoạn của sự vật, nó tồn tại trong suất quá trình tồn tại các sự vật. Mâu thuẫn cơ bản được giải quyết thì sự vật sẽ thay đổi căn bản về chất.  
  Mâu thuẫn không cơ bản là mâu thuẫn chỉ đặc trưng cho một phương diện nào đó của sự vật, nó không quy định bản chất của sự vật. Mâu thuẫn đó nảy sinh hay được giải quyết không làm cho sự vật thay đổi căn bản về chất.
* *Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu (căn cứ vào vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật trong một giai đoạn nhất định)*  
  Mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu ở một giai đoạn phát triển nhất định của sự vật, nó chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó. Giải quyết được mâu thuẫn chủ yếu trong từng giai đoạn là điều kiện cho sự vật chuyển sang giai đoạn phát triển mới.  
  Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn chủ yếu có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mâu thuẫn chủ yếu có thể là một hình thức biểu hiện nổi bật của mâu thuẫn cơ bản hay là kết quả vận động tổng hợp của các mâu thuẫn cơ bản ở một giai đoạn nhất định. Việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu tạo điều kiện giải quyết từng bước mâu thuẫn cơ bản.  
  Mâu thuẫn thứ yếu là những mâu thuẫn ra đời và tồn tại trong một giai đoạn phát triển nào đó của sự vật, nhưng nó không đóng vai trò chi phối mà bị mâu thuẫn chủ yếu chi phối. Giải quyết mâu thuẫn thứ yếu là góp phần vào việc từng bước giải quyết mâu thuẫn chủ yếu.  
  Ví dụ: ở nước ta 1940-1943 mâu thuẫn chủ yếu: Nhật, Pháp và nhân dân ta; mâu thuẫn thứ yếu: địa chỉ và nông dân.
* *Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng (căn cứ vào tính chất của các quan hệ lợi ích trong xã hội)*  
  Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn giữa những giai cấp, những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Ví dụ: mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, giữa vô sản với tư sản, giữa dân tộc bị xâm lược với bọn đi xâm lược.  
  Mâu thuẫn không đối kháng là mâu thuẫn giữa những lực lượng xã hội có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau, chỉ đối lập về những lợi ích không cơ bản, cục bộ, tạm thời. Chẳng hạn mâu thuẫn giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn....

1. Hình thức cơ bản của nhận thức cảm tính? Hình thức nào là tiền đề mang tính trừu tượng hoá của giai đoạn nhận thức lý tính?

* Nhận thức cảm tính là giai đoạn mở đầu của quá trình nhận thức. Đó là giai đoạn nhận thức mà con người, trong hoạt động thực tiễn, sử dụng các giác quan để tiến hành phản ánh các sự vật, hiện tượng khách quan, mang tính chất cụ thể, với những biểu hiện phong phú của nó trong mối quan hệ với sự quan sát của con người.
* Biểu tượng là sự tái hiện hình ảnh về sự vật, hiện tượng khách quan vốn đã được phản ảnh bởi cảm giác và tri giác; nó là hình thức phản ánh cao nhất và phức tạp nhất của giai đoạn nhận thức cảm tính, đồng thời nó cũng chính là bước quá độ từ giai đoạn nhận thức cảm tính lên nhận thức lý tính.